TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh

2. Ông Đào Xuân Tìm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HN&GĐ ngày 24/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2019/QĐST-HN&GĐ ngày 11/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A** *(tên gọi khác Nguyễn Thị Lan A)*, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn K**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn V, sinh năm 1944 *(bố anh K)*

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1946 *(mẹ anh K)*

Đều có địa chỉ: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1996 tại UBND xã K. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau ở thôn Q, xã K và chung sống hạnh phúc được khoảng vài năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, kinh tế gia đình làm ăn khó khăn nên vợ chồng thường xuyên căng thẳng nặng nề với nhau, vợ chồng không còn yêu thương và tôn trọng nhau nữa. Mặc dù mâu thuẫn của anh chị cũng đã được hai bên gia đình biết và có hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, mâu thuẫn càng trầm trọng. Anh chị chính thức ly thân nhau từ đầu năm 2016 cho đến nay, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Chị đề nghị được ly hôn với anh Trần Văn K.

Về con chung: Chị và anh K có hai con chung là Trần Đức L, sinh năm 1998 và Trần Đức L1, sinh ngày 05/9/2006. Hiện tại các cháu đang ở với anh K và bố mẹ anh K. Cháu L đã trưởng thành, tự lập chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu L1, chị nhất trí để anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc vì chị biết cháu có nguyện vọng được ở với anh K và từ trước tới nay cháu đều ở với anh K, công việc của chị thỉnh thoảng phải đi làm xa nên sẽ không có điều kiện chăm sóc cho cháu. Về việc cấp dưỡng thì chị sẽ tự có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu, không đề nghị Tòa án phải giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị A kết hôn vào năm 1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị A kinh doanh thua lỗ cầm cắm hết đất của gia đình, dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Do mâu thuẫn xảy ra nên anh và chị Nguyễn Thị A đã ly thân nhau khoảng 3 năm nay. Nay chị A có đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh là tùy chị A giải quyết, anh không có ý kiến gì. Về con chung: Có hai con con chung như chị Nguyễn Thị A trình bày là đúng. Hai cháu đang ở cùng anh. Nếu ly hôn anh xin được nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện tại anh đang làm quản lý tại nhà hàng Trung

Kiên ở xã K, huyện Kim Thành, thu nhập 6.000.000 đồng/ tháng. Nếu được nuôi con anh sẽ đảm bảo cho cháu có cuộc sống tốt nhất, những lúc anh đi làm thì bố mẹ anh sẽ trông nom con giúp anh. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh K và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh K nhưng anh K đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh K đến tham gia phiên tòa nhưng anh K vắng mặt. Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập anh K đến phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh K vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị A giữ nguyên quan điểm như trên. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Trần Văn K. Về con chung: Cháu Trần Đức L đã đủ 18 tuổi trưởng thành, không đặt ra việc giải quyết. Giao cháu Trần Đức L1, sinh ngày 05/9/2006 cho anh Trần Văn K được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K về việc không yêu cầu chị Nguyễn Thị A cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn K kết hôn vào năm 1996, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mẫu thuẫn kinh tế gia đình làm ăn sa sút nên vợ chồng thường hay căng thẳng

với nhau. Anh chị đã ly thân được một thời gian, nhưng anh K cũng không có tác động gì để cải thiện quan hệ vợ chồng với chị A. Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án, anh K không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án làm việc, hòa giải; thể hiện việc anh K bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân đổ vỡ. Tại phiên tòa, chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị xin được ly hôn anh K. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị A xin được ly hôn anh Trần Văn K là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn K có hai con chung là Trần Đức L, sinh năm 1998 và Trần Đức L1, sinh ngày 05/9/2006. Cháu L đã đủ 18 tuổi trưởng thành, Tòa án không đặt ra việc giải quyết. Đối với cháu L1 có nguyện vọng được ở với anh K, anh K đề nghị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, chị Nguyễn Thị A nhất nhí. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của cháu L1, Toà án giao cháu L1 cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K về việc không yêu cầu chị Nguyễn Thị A cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn K không yêu cầu Toà án phải giải quyết nên Toà án không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Trần Văn K

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đức L1, sinh ngày 05/9/2006 cho anh Trần Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K về việc không yêu cầu chị Nguyễn Thị A cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0003979 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Uỷ ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn